DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số: 1366 ***/ QĐ - VPCNCL ngày*** 06 ***tháng*** 07 ***năm 2023***

của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng hiệu chuẩn**

Laboratory: ***Hiseda Company Limited***

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Hiseda**

Organization: ***Hiseda Company Limited***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Đo lường – Hiệu chuẩn**

Field of testing: ***Measurement – Calibration***

Người quản lý
Laboratory manager: **Nguyễn Thành Hiệp**

Người có thẩm quyền ký
Approved signatory:

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Nguyễn Bá Truyền**	**Các phép hiệu chuẩn quang được công nhận/ *Accredited Optical calibrations***
2.	**Nguyễn Thành Hiệp**	
3.	**Lê Hữu Phương**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 578**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **22/02/2025**

Địa chỉ/ *Address*: **Lô T2-4, Tòa nhà Sacom Chíp Sáng, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Địa điểm/*Location:* **Lô T2-4, Tòa nhà Sacom Chíp Sáng, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Điện thoại/ *Tel*: **028-2253 8451** Fax: **028- 2253 8452**

E-mail: **hc-hiep@hiseda.com** Website: **www.hiseda.com**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 578

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Quang

Field of calibration: Photometry

TT	**Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn** *Measurand/ equipment calibrated*	**Phạm vi đo** *Range of measurement*	**Quy trình hiệu chuẩn** *Calibration Procedure*	**Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)[1]** *Calibration and Measurement Capability (CMC)[1]*
1.	**Máy quang phổ UV-Vis (x)** ***UV-Vis Spectrophotometer***	Bước sóng / *Wavelength* (200 ~ 900) nm	HIS-CP69:2023	0,21 nm
		Độ hấp thụ / *Absorbance* (0 ~ 2) Abs		0,70 %
2.	**Máy so màu (x)** ***Color Reader***	L* : (45 ~ 91); a* : (-37 ~ 60); b* : (-54 ~ 93).	HIS-CP70:2023	1,2 %

Chú thích/ *Note:*

- HIS-CP...: Qui trình hiệu chuẩn của phòng thử nghiệm /*Laboratory-developed Calibration Procedure*
- (x): có thực hiện ở hiện trường/ *Onsite Calibration*
- (1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa.

Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits.